

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 101

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang một trăm mười bảy, dòng thứ bảy từ dưới đếm lên, chúng ta đọc từ câu “*an trụ nhất thiết*”.

“*An trụ nhất thiết giả, Hội Sở vân: An trụ giả, bất động nghĩa. Đức thành bất thoái, cố viết an trụ. Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết*” (“An trụ hết thảy”: Sách Hội Sở giảng: “An trụ nghĩa là bất động. Đức thành tựu, chẳng lui sụt, nên bảo là an trụ. Không đức nào chẳng đầy đủ nên nói là hết thảy”). Trong phần trước, chúng tôi cũng đã nói đến câu này, từ chỗ này là khởi đầu của một đoạn. An trụ, bất luận là sơ học hay là người tu học đã lâu, đều vô cùng quan trọng, cô nhân nói “*thân an tắc đạo long*” (thân yên ổn, đạo sẽ hưng thịnh). Chúng tôi nghĩ đến thời cận đại, trong thế kỷ này, chẳng có cao tăng đại đức xuất hiện trên thế gian. Phật pháp là như thế, mà pháp thế gian cũng chẳng phải là ngoại lệ. Không chỉ tại Trung Quốc, mà gần như tại tất cả mọi nơi trên toàn thế giới chúng ta đều thấy [tình trạng như vậy]. Do nguyên nhân nào? Trong thế kỷ này chẳng có hai chữ “an trụ”! Các xã hội trên toàn thế giới đều rơi vào tình trạng chao đảo, bất an, nên lòng người chẳng thể định, rất khó thành tựu! Trên thực tế, có vấn đề như thế này: Đại hoàn cảnh bất hảo, xã hội động loạn, nhưng nếu cá nhân thật sự có thiện căn, có phước đức, vẫn có thể thành tựu. Thiện căn là tín tâm kiên định, phước đức là có thể chịu đựng khổ sở, khó khăn, người như vậy rất ít, nhưng chẳng phải là không có! Do vậy, lúc đức Phật sắp nhập diệt, tôn giả A Nan từng hỏi Phật: “*Phật tại thế, chúng con nương tựa Ngài làm thầy. Ngài chẳng trụ thế, chúng con nên nương cậy ai?*” Đức Phật dạy một câu: “*Lấy giới làm thầy*”, lại còn nói thêm: “*Lấy khổ làm thầy*”. Nói cách khác, trong thời đại hiện tiền, chúng ta có thể trì giới, có thể chịu khổ thì sẽ có thể thành tựu. Đầy đủ hai điều kiện ấy, bất luận ở trong thuận cảnh hay trong nghịch cảnh, đều có thể như như bất động. Cổ đại đức đã dạy chúng ta bí quyết thành công: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Thí dụ như trong hoàn cảnh hiện thời, chính mình có thể tìm được một nơi rất hẻo lánh, một chỗ rất lạc hậu; chỗ lạc hậu là nơi bình yên, mọi người chẳng tranh chấp, chẳng có ai đến giành giật, chắc chắn là điều kiện vật chất rất kém cỏi, nhưng là nơi [tu hành] tốt đẹp. Càng kém cỏi càng tốt, một cái lều tranh bé tí, quý vị tặng cho người ta, người ta chẳng thêm, coi thường, đó là chỗ bình yên!

Có thể an định mười năm bất động, quý vị an trụ ở nơi ấy, học một bộ kinh giáo đến cùng. Người ta chỉ cần có hai điều kiện như vậy, trì giới bằng cách thực hiện Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, đều thuộc về trì giới, cần phải học.

Chẳng có những thứ ấy tức là thiếu cội rễ, căn cơ của các bậc đại thánh đại hiền thế gian và xuất thế gian thuộc trong ba thứ ấy. Ba thứ ấy chẳng khó, [dành ra] thời gian một năm [để tu tập] là đủ rồi! Ba thứ ấy chẳng phải để học suông, chẳng phải để học thuộc lòng, mà là mỗi điều đều phải làm được. Đệ Tử Quy gồm một trăm mười ba điều; Cảm Ứng Thiên cũng chẳng thể coi là nhiều, nhân quả thiện ác tổng cộng gồm một trăm chín mươi lăm điều; Thập Thiện Nghiệp Đạo là mười điều. Đã vun bồi bền vững hai căn cội trước (Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên) thì Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ chẳng có vấn đề gì! Cũng có nghĩa là Thập Thiện Nghiệp nói chi tiết sẽ là Cảm Ứng Thiên và Đệ Tử Quy. Vun bồi bền vững những căn cội ấy, quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân, hội đủ điều kiện! Mười năm học một bộ kinh Vô Lượng Thọ này nhuần nhuyễn, mỗi ngày đọc một lần. Nếu có duyên phận, có thể nghe giảng sẽ càng hay hơn! Nghe giảng thì hiện thời chúng ta có đĩa CD/DVD, có Internet, cũng có truyền hình vệ tinh. Do vậy, có duyên phận thì có thể thuê máy để nghe, mỗi ngày có thể nghe từ bốn tiếng đồng hồ trở lên, chẳng thể ít hơn bốn tiếng đồng hồ. Những thời gian khác bèn chuyên niệm A Di Đà Phật, tâm quý vị sẽ định. Định chừng dăm ba năm sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, lại có trường hợp đôi ba năm rất có thể khai ngộ. Đắc tam-muội là đắc Định, Định có thể khai huệ. Do vậy, thật sự mong thành tựu thì trong bất luận hoàn cảnh nào cũng đều có thể tu hành.

Trong đời loạn, mọi người ở cùng một chỗ cùng nhau tu hành khá khó khăn, như trong thời đầu Dân Quốc, xác thực là thuở ấy có các vị cao tăng đại đức thật sự muốn mở trường học nhằm bồi dưỡng nhân tài kế tục, nhưng vì chiến tranh, đều chẳng có cách nào thực hiện viên mãn. Pháp sư Ứng Từ mở Hoa Nghiêm Đại Học, chưa đầy một năm đã phải đóng cửa. Âu Dương đại sư lập Chi Na Nội Học Viện coi như có thành tựu [tốt đẹp] nhất, nhưng cũng chỉ làm được hai năm, chẳng thể tiếp tục. Sau chiến tranh, tại Đài Loan, lão cư sĩ Lý Bình Nam mở lớp học kinh tại Đài Trung Liên Xã nhằm bồi dưỡng nhân tài giảng kinh, các đồng học có hơn hai mươi người, tôi là người tham gia cuối cùng, cũng chỉ dạy được hai năm, chẳng mở lớp tiếp theo, duyên chẳng dễ dàng. Tôi học kinh giáo với thầy Lý từ ngay trong lớp học ấy. Nếu chẳng có lớp ấy thì thật sự là ngay cả kinh giáo tôi cũng chẳng được học! Tuy thời gian chẳng dài, tôi vẫn được gặp gỡ. Vì thế, “*an trụ hết thầy*” quan trọng hơn bất cứ gì khác. Chẳng có cơ duyên, chúng ta phải nghĩ cách tìm cơ hội, một người sống cuộc đời đơn giản, kham khổ, chẳng cần được hộ trì rất nhiều, có được một hai người nhiệt tâm hộ pháp chiếu cố quý vị bèn chẳng có vấn đề gì! Cuộc sống càng đơn giản càng hay, người thật sự tu hành một ngày ăn một bữa là được rồi, mỗi ngày ăn một bữa giữa trưa!

Đại khái, lão cư sĩ Lý Bình Nam gặp gỡ Phật pháp khi cụ đã ngoài ba mươi tuổi, còn trẻ hơn tôi, tôi gặp Phật pháp lúc hai mươi sáu tuổi. Cụ bảo tôi [cụ gặp Phật pháp] lúc tuổi đã ngoài ba mươi. Sau khi gặp Phật pháp không lâu, cụ bèn quá ngộ chẳng ăn, [mỗi ngày] ăn hai bữa, rồi hai ba năm sau bữa sáng cũng bỏ luôn, mỗi ngày ăn một bữa, suốt đời chẳng thay đổi. Rất khó có! Giảm bớt rất nhiều chuyệ. Tự mình chăm sóc

chính mình, ăn cơm do tự mình nấu, quần áo do chính mình giặt, tự mình chăm sóc bản thân mãi cho đến lúc chín mươi lăm tuổi vẫn là tự mình chăm sóc chính mình. Hai năm cuối cùng cụ mới đồng ý tiếp nhận hai học trò phát tâm chăm nom. Trước đó, có người muốn chăm sóc cụ, cụ không chịu. Tôi học Giáo với cụ tại Đài Trung, cũng chịu ảnh hưởng bởi sự thân giáo của cụ. Do vậy, lúc tôi ở Đài Trung là ba mươi mấy tuổi, tôi cũng học theo cụ mỗi ngày ăn một bữa. Tôi ăn đến tháng thứ tám mới trình với cụ, tôi nói: “Thưa thầy, hiện thời mỗi ngày con ăn một bữa”. “Đã bao lâu?” “Tám tháng rồi ạ!” “Thế nào? Thân thể có biến hóa hay không?” Tôi thưa: “Rất bình thường”. Cụ vỗ bàn: “Hãy vĩnh viễn gìn giữ, suốt đời chẳng phải cầu cạnh ai!” Cuộc sống đơn giản, nhu cầu rất ít, một người nhiệt tâm hộ pháp là đủ rồi, chẳng cần phan duyên. Cổ nhân nói: “*Nhân đáo vô cầu, phẩm tự cao*” (người đạt đến không mong cầu, phẩm hạnh tự cao). Nhất định phải biết tiết kiệm, tích phước, trọng yếu hơn bất cứ điều nào khác! Do vậy, có quyết tâm, có nghị lực, trong xã hội rối ren, chính mình có thể như như bất động. Hãy học theo Quảng Mục thiên vương trong tứ đại thiên vương, Ngài biểu thị ý nghĩa sau đây: Trong thời cuộc rối ren, có thể giữ cho chính mình bất động, thứ gì cũng có thể thành tựu. Do vậy, ở đây, tôi biểu lộ ý nghĩa ấy cùng quý vị: “*An trụ giả, bất động nghĩa*” (An trụ nghĩa là bất động).

“*Đức thành bất thoái*” (đức thành tựu chẳng lui sụt), “*đức*” được nói ở đây là Giới và Định. Chúng ta có thể học tốt đẹp Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên và Thập Thiện Nghiệp, hoàn toàn thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đối người, tiếp vật, tâm vĩnh viễn bất thoái. Sau đây, một mục tiêu, một phương hướng, chuyên tu Tịnh Độ, phương hướng ấy là Tây Phương Cực Lạc thế giới, mục tiêu ấy là thấy A Di Đà Phật, tâm phải định, quyết định chẳng thay đổi, đức sẽ thành tựu, thành tựu bất thoái, đó là “*an trụ*”.

“*Vô đức bất cụ, cố vân nhất thiết*” (Không đức nào chẳng đủ, nên gọi là “hết thầy”): Có thể buông xuống hết thầy, đó là “*vô đức bất cụ*”. Chúng ta buông xuống chấp trước đối với hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian. Không chỉ chẳng chấp trước, mà tốt nhất là phân biệt cũng chẳng có. Làm thế nào để có thể đạt được? Chuyên tâm nơi kinh giáo, nhất tâm niệm Di Đà, sẽ thực hiện được! Kinh Hoa Nghiêm nói “*một tức là hết thầy, hết thầy tức là một*”, một bộ kinh này là đủ rồi. Không chỉ là những kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, mà giáo huấn của mười phương ba đời hết thầy Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát cũng đồng thời viên mãn trọn đủ trong ấy. Đặc biệt là trong xã hội giống như hiện thời, nắm vững bộ kinh này, một câu Phật hiệu, chẳng có ai không thành tựu. Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ, thật sự phát tâm y giáo phụng hành. “*Tiền dẫn Hạnh Nguyên Phẩm trung, ư nhất niệm trung, sở hữu hạnh nguyện giai đắc thành tựu giả*” (trong phẩm Hạnh Nguyên như đã dẫn trong phần trước, trong một niệm, tất cả hạnh nguyện đều được thành tựu). Trong phần trước đã từng dẫn câu kinh văn này của phẩm Hạnh Nguyên, ở đây, [cụ Hoàng] giải thích: “*Tức thị nhất niệm trung, viên thành hạnh nguyện*” (tức là

trong một niệm, thành tựu viên mãn hạnh nguyện). “Viên” (圓) là viên mãn, “thành” (成) là thành tựu, [“viên thành hạnh nguyện” là] trong một niệm thành tựu viên mãn Phổ Hiền đại hạnh và Di Đà đại nguyện. “Cố năng an trụ ư Như Lai nhất thiết Phật quả công đức chi pháp” (nên có thể an trụ trong hết thảy các pháp công đức nơi Phật quả của Như Lai), pháp môn Niệm Phật đã được đại diện viên mãn.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo: “Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện”. [Những đoạn kinh văn ở] phía trước câu này nói về sự thành tựu trong tự hành nơi sự tu hành của chúng ta, còn câu này nói về hóa tha (hóa độ người khác). Sau khi chúng ta thành tựu, phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, cho nên chẳng thể trụ tại một nơi. Hai hôm trước, có một vị pháp sư Nhật Bản đến thăm viếng, đó là sư Trung Tây Tỳ Công (Nakanishi Zuikou), tôi quen biết Sư chắc cũng mười năm. Mấy năm trước, tôi đã sang Nhật Bản sáu lần, tôi đến thăm núi Tỳ Duệ (Hiei-zan) của Nhật Bản, người Nhật gọi núi này là “mẹ của Phật giáo”. Phật giáo Nhật Bản có mười ba tông phái, nhiều hơn Trung Quốc. Tổ sư khai sơn của mười ba tông phái ấy đều tu hành trên núi ấy. Do vậy, tôi nhất định phải đến viếng núi ấy hòng liễu giải đôi chút. Thuở ấy, những vị tổ sư đại đức tu hành trên quả núi ấy, chẳng hạ sơn, thời gian trụ tại đó lâu nhất là bao nhiêu năm? Họ bảo tôi: “Hơn ba mươi năm!” Hơn ba mươi năm chẳng hạ sơn! Ngắn nhất là bao nhiêu? Mười bốn năm. Do vậy, các vị ấy có thành tựu. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “Thập tải hàn song, nhất cử thành danh” (mười năm quanh quẽ, thi đậu thành danh). Chẳng đồ công sức từ mười năm trở lên sẽ chẳng được, điều ấy chính là khuôn mẫu rất tốt cho chúng ta. Tôi di dân sang Úc, lập ra Tịnh Tông Học Viện để cúng dường đại chúng, hy vọng đại chúng thật sự an tâm tu hành ở nơi đó, có thể đạt được một chút thành tựu. Thuở ấy, tôi ấn định kỳ hạn tu học là chín năm, có người bảo tôi “thời gian chín năm quá dài, có thể rút ngắn thành bảy năm hay không?” Tôi cũng không giữ vững chủ ý, khéo sao đúng dịp ấy, sang Nhật Bản họp, sau khi đến thăm núi Tỳ Duệ trở về, [tôi thấy] chín năm chẳng thể giảm bớt! Người ta tu hành trên núi tối thiểu là mười bốn năm, thời gian chín năm của chúng ta há còn có thể giảm bớt được sao? Xác định [thời gian tu hành tối thiểu phải] là chín năm.

Năm nay đã tròn chín năm rồi, sang năm là kỷ niệm tròn mười năm, học viện của chúng ta có thành tựu hay không? Thưa cùng quý vị, chẳng có! Do nguyên nhân nào? Chẳng thể thực hiện đúng theo quy củ. Chúng tôi đã dạy ba căn cơ Nho, Thích, Đạo chẳng ít năm, nhưng chẳng có ai thật sự chịu làm! Lại còn có một điều nữa là “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài” cũng chẳng có ai làm được! Do vậy, tôi bảo mọi người, vì tuổi tác của họ kể ra cũng chưa cao, nói chung cũng gần năm mươi tuổi rồi, vẫn còn được hay sao? Được chứ! Ở Đại Lục đã có một tấm gương: Một vị tại gia cư sĩ năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu học tập, bắt đầu [học Phật] từ năm mươi lăm tuổi (trước đó chẳng hề tiếp xúc Phật pháp), sáu mươi lăm tuổi đạt thành tựu. Tiếc là bà ta tại gia, chẳng xuống tóc; nếu xuống tóc, sẽ lập tức thăng tòa thành đại pháp sư. Bà ta cho tôi

biết bà đã học một bộ kinh Vô Lượng Thọ suốt mười năm, học như thế nào? Mỗi ngày bà ta nghe một đĩa CD ghi lời giảng kinh Vô Lượng Thọ của tôi, nên biết đó là bài giảng trong mười năm trước, chưa được tí mĩ như hiện thời. Toàn bộ bản kinh giảng xong trong sáu mươi giờ. Sáu mươi đĩa CD, mỗi ngày bà ta nghe một đĩa, mỗi đĩa là một giờ, nhưng bà ta nghe lập đi lập lại đến mười tiếng đồng hồ, nên mỗi ngày nghe kinh mười tiếng! Bà ta nói: Đối với bà ta, nghe kinh hết sức hữu dụng! Vì sao? Vọng niệm chẳng còn nữa, ngoài nghe kinh ra là niệm Phật. Nghe bộ kinh này từ đầu đến cuối xong xuôi, lại nghe từ đầu, nghe xong bèn nghe lại từ đầu, nghe suốt mười năm bèn thành công. Bà ta không chỉ thuộc lòng kinh văn, mà ngay cả chú giải cũng nằm lòng. Hiện thời, lên tòa giảng kinh, bà ta chẳng cần đến kinh sách, cũng chẳng cần tài liệu tham khảo. Hơn nữa, lại còn ra sao? Hễ tiếp xúc bèn thông suốt. Giảng vô cùng viên mãn, thật sự khiến cho kẻ khác trông thấy chẳng thể nào không bội phục. Bà sống trong một gia đình rất khổ nhọc, điều kiện vật chất tốt bực kém cỏi, nhưng có thể chịu đựng khổ sở, chịu đựng nhọc nhằn, suốt đời chẳng tranh chấp với ai, chẳng mong cầu gì nơi cõi đời, nên thành công. Đây là một tấm gương tốt cho chúng ta, bà ta năm mươi lăm tuổi mới bắt đầu, tôi thấy các đồng học trong Tịnh Tông Học Viện chúng ta nói chung vẫn chưa đến năm mươi lăm tuổi, vẫn còn kịp chán! Nếu đến sáu mươi lăm tuổi mà chẳng có thành tựu gì thì thôi rồi, vấn đề nghiêm trọng lắm đấy!

Sau khi đã thành tựu, muốn báo ân Phật và báo ân chúng sanh thì báo đáp như thế nào? “*Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện. Thử nhĩ cú sơ tán đại sĩ chi Quyền Đức*” (Đạo chơi mười phương, hành phương tiện quyền biến: Hai câu này trước hết là tán thán Quyền Đức của bậc đại sĩ). Đây là phương tiện thiện xảo của các vị Bồ Tát. “*Du bộ thị du hành dữ du hóa chi nghĩa*” (“*Du bộ*” nghĩa là du hành và du hóa). “*Du hành*” là tầm sư phỏng đạo, khi chính mình còn chưa thành tựu, chỗ nào có bậc cao nhân, có bậc đại đức, ta bèn đến thân cận, hướng về vị ấy thỉnh giáo, đó là “*du hành*”. Như thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, mười chín tuổi lìa nhà, đó là du hành, đi tham học, đến khi ba mươi tuổi Ngài đã tham học mười hai năm. Những cao tăng đại đức trong giới tôn giáo và các bậc cao nhân trong giới học thuật Ấn Độ Ngài đều thân cận, đức hạnh và học vấn đã thành tựu. Tuy thành tựu, vấn đề vẫn chưa được giải quyết, người bình thường sẽ ngừng ở đó, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cam tâm, không đành chịu, Ngài ngồi dưới cội cây Tất Bát La (Pippala) bên sông Hằng, [cây ấy] nay được gọi là Bồ Đề Thụ (cây Bồ Đề), nhập Định tại đó, buông sở học trong mười hai năm xuống, nhập Thiền Định sâu hơn. Lại nhập Thiền Định sâu hơn Tứ Thiền Bát Định đã học trước đó, cuối cùng thành tựu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, khi ấy, đức Phật đã ba mươi tuổi. Sau khi kiến tánh, kiến tánh bèn thành Phật, chẳng còn du hành nữa, mà là du hóa; “*hóa*” là giáo hóa chúng sanh. Sau khi chính mình đã thành tựu, nhất định phải thành tựu người khác. Thành tựu chính mình là vì lẽ nào? Nhằm giáo hóa người khác. Đấy cũng là như trong Tứ Hoàng Thệ Nguyệt đã nói: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, phải thực hiện nguyện ấy, chẳng thể nói rồi không làm! “*Thập*

phương”: Suốt đời lão nhân gia xác thực là du hóa, chẳng có nơi chốn nhất định, nhưng học trò khâm phục Ngài tột bậc, Ngài đi đến nơi đâu, họ theo đến đó. Số lượng những học trò [thường xuyên] theo Ngài chẳng ít! Từ kinh điển, ta thường thấy [ghi chép con số Thường Tùy Chúng] là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, một đoàn thể to ngàn ấy! Buổi tối nghỉ ngơi dưới cội cây, mỗi người tìm một cội cây to để ngồi nhập Định, nghỉ ngơi dưới gốc cây. Ban ngày thì giảng kinh, giáo học trong rừng cây, nhưng ban ngày còn có một công khóa nữa, phải đi ra ngoài khát thực. Giữa trưa ăn một bữa, nghỉ dưới cội cây, suốt một đời sống như vậy. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: “*Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy*”. Ngài đã làm được, nêu gương cho chúng ta thấy. Đúng là “buông xuống vạn duyên”, trong tâm chẳng có tạp niệm, chẳng có vọng tưởng, lúc ấy mới có thể thành tựu.

“*Thập phương giả, Đông, Tây, Nam, Bắc tứ phương*” (Mười phương là bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc), kế đó là “*Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc*”, đó là bốn phương bàng. Những phương này được gọi chung là “bát phương”, cộng thêm phía trên và phía dưới thành mười phương. “*Cái biểu không gian chi nhất thiết xứ sở*” (ấy là biểu thị hết thầy nơi chốn trong không gian). Phật môn thường nói “*thập phương tam thế*”, nay chúng ta nói thập phương là “*không gian*”, tam thế nay được gọi là gọi là “*thời gian*”. Dùng “*thập phương*” và “*tam thế*” để bao gồm toàn bộ phạm vi hoạt động. “*Du bộ thập phương, biểu đại sĩ thần thông du hý, tự tại du hành, hóa độ thập phương thế giới nhất thiết chúng sanh*” (“*Du bộ thập phương*” biểu thị đại sĩ thần thông du hý, tự tại du hành, hóa độ hết thầy chúng sanh trong mười phương thế giới). Sau khi kiến tánh sẽ có năng lực ấy. Sau khi kiến tánh, sáu thứ thần thông đều trọn đủ. Trong phần trước đã giảng “*cụ túc*” (trọn đủ) là viên mãn. Sau khi kiến tánh, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều đoạn, toàn bộ chẳng còn nữa. Trong cảnh giới của các Ngài, thời gian và không gian cũng chẳng còn nữa. Do thời gian chẳng có, nên con người có thể trở về quá khứ, mà cũng có thể tiến nhập vị lai. Quý vị thấy những vị Bồ Tát ấy có bản lãnh, có thể giáo hóa chúng sanh trong quá khứ, mà cũng có thể giáo hóa chúng sanh trong đời vị lai. Các Ngài có năng lực ấy, năng lực ấy là gì vậy? Bản năng (năng lực sẵn có)! Năng lực ấy ở đâu ra? Vốn sẵn có! Khi khai ngộ, Huệ Năng đại sư đã bảo: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”. Trí huệ, đức năng, và sáu thứ thần thông đều thuộc về đức năng. Tướng hảo thì giống như trong phẩm Phổ Môn đã nói, “*nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy*”, các Ngài có thể hiện vô lượng vô biên thân. Chúng sanh ưa thích thân gì, các Ngài bèn có thể hiện thân ấy, thiên biến vạn hóa. Do vậy, hóa độ chúng sanh trong hết thầy các thế giới khắp mười phương chẳng có chướng ngại.

“*Hành quyền phương tiện giả, Quyền đối Thật nhi thuyết*” (“*Hành Quyền phương tiện*”: Quyền là nói đối ứng với Thật). Thật (實) là chân thật, Quyền (權) là quyền biến. Chân thật là Thể, là tự tánh, tánh thể. Quyền là khởi Dụng (sanh khởi tác dụng). Từ Thể khởi Dụng chẳng do ý nghĩ của chính mình, quý vị phải hiểu điều này! Chư Phật, Bồ

Tát, Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong thế gian, bất luận là đường nào trong lục đạo đều chẳng khởi tâm động niệm. Như Thích Ca Mâu Ni Phật cũng giống như vậy, Ngài ứng hóa trên thế gian chẳng hề khởi tâm động niệm. [Nếu là] chẳng khởi tâm động niệm, có sao Ngài có thể hiện tướng? Làm sao có thể thuyết pháp cho được? Đây là Ngài “*hành quyền phương tiện*”. Chúng ta trông thấy tướng mạo của đức Phật, nhưng chính đức Phật chẳng chấp tướng. Chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp, trên thực tế, đức Phật hoàn toàn chẳng thuyết pháp. Do vậy, trong kinh Bát Nhã nói: Nếu ai nói đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, kẻ đó báng Phật! Không nói mà nói, nói nhưng chẳng nói, quả thật, đức Phật chẳng nói. Vì sao Ngài có thể nói? Chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên phản ứng. Sự “*ứng*” ấy chính là pháp vốn sẵn như thế (pháp nhĩ tự nhiên). Đã có người từng hỏi đức Phật chuyện này, trong các đệ tử đức Phật, ngài Xá Lợi Phất trí huệ đệ nhất, có người hướng về đức Phật thỉnh giáo: “Trí huệ của ngài Xá Lợi Phất do đâu mà có? Vì sao có trí huệ to lớn ngàn ấy?” Đức Phật dùng cái trống làm tỷ dụ, trống thì mọi người đều từng thấy, nó là một thứ nhạc khí đã có từ lâu đời. Ngài nói: “Cái trống thì các ông có biết hay không?” [Đại chúng thưa]: “Dạ biết”. “Trong bụng cái trống có gì hay không? Chẳng có gì, rỗng tuếch. Hai tấm da bọc lấy một khoảng trống rỗng. Đức Phật dạy: “Tâm Xá Lợi Phất giống như cái trống, trong ấy thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng nếu quý vị gõ nó, gõ mạnh ắt kêu to, gõ nhẹ ắt kêu nhỏ. Chẳng gõ sẽ không kêu”. Bất luận quý vị hỏi ngài Xá Lợi Phất vấn đề gì, Ngài đều đối đáp lưu loát. Ngài có dấy lên ý niệm hay không? Chẳng có! Do vậy, đúng là “*không nói mà nói*”, “*nói*” chính là ứng. Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, Ngài có nói gì đâu! Cùng một đạo lý giống như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, có nói hay chẳng? Một chữ cũng chẳng nói! Vì sao chúng ta có nói? Khởi tâm động niệm, suy nghĩ lời này nên nói theo cách nào, đó là “*có nói*”! Người ta chẳng khởi tâm, không động niệm, có sao có thể thuyết pháp? Bởi lẽ, nói chính là “*không nói mà nói*”. Lũ phàm phu chúng ta chẳng biết nghe, người biết nghe sẽ nghe theo cách nào? Nghe mà chẳng nghe, chẳng nghe mà nghe, đó là biết nghe, hoàn toàn đối ứng với Phật. Do vậy, chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp thường hiểu sai ý Phật, [những ý nghĩa mà chúng ta tưởng là hiểu ý Phật, thật ra] đều là ý nghĩa của chính mình, chẳng phải là ý nghĩa của Phật. Vì thế, “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” rất khó thực hiện! Chúng ta phải hiểu Quyền và Thật, chứng đắc Thật thì mới có Quyền. Chẳng chứng Thật sẽ chẳng có phương tiện thiện xảo. Chúng ta có phương tiện, nhưng chẳng có thiện xảo trong đó!

“*Cụ quyền nghi dữ quyền biến chi nghĩa*”: Chữ Quyền này có hai ý nghĩa là quyền nghi (權宜: mềm mỏng khéo léo biến hóa sao cho thích hợp với tình thế) và quyền biến (權變: ứng xử linh động). “*Tục vị thông quyền đạt biến*” (nói thông tục là “*thông đạt quyền biến*”), nói theo cách hiện thời, người ấy thông minh, trí huệ, có thể tùy cơ ứng biến, nói đến loại người này. “*Thông quyền đạt biến*” là tùy cơ ứng biến, năng lực ứng biến vô cùng mạnh mẽ. Những vị Bồ Tát ấy đã ứng biến đến mức viên mãn rất ráo,

cũng là như cổ nhân đã nói: “*Dĩ bất biến ứng vạn biến*” (dùng không thay đổi để ứng phó muôn vàn sự thay đổi), họ đã làm được, thật sự chẳng thay đổi, có thể ứng phó vô lượng vô biên biến hóa. Chúng ta chẳng có cách nào học được điều này. Tuy không học được, nhưng nếu chúng ta dùng phương pháp Giới - Định - Huệ để tu học, đến một ngày nào đó, chúng ta cũng có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, năng lực trí huệ ấy hoàn toàn xuất hiện, chẳng cần phải học mà thấy đều xuất hiện. Vì sao? Trong tự tánh vốn sẵn trọn đủ, trọn đủ trí huệ, trong trí huệ có Thật Trí và Quyền Trí, trọn đủ thần thông, trọn đủ tướng hảo. “*Quyền diệc tức Phương Tiện chi dị danh*” (Quyền cũng chính là tên gọi khác của Phương Tiện). Do đó, phương tiện và quyền xảo thường được nói gộp chung. Phương (方) là phương pháp, Tiện (便) là tiện nghi (thuận tiện). Tiện Nghi (便宜) nghĩa là phương pháp thích hợp nhất. Phương pháp thích hợp nhất chẳng có nhất định, do người, do sự, do thời, do nơi chốn mà [áp dụng những phương pháp] khác biệt, vận dụng xảo diệu dường ấy nên gọi là “*phương tiện pháp*”. Vì thế, nó (Quyền) là tên gọi khác của Phương Tiện.

“*Pháp Hoa Văn Cú viết*” (sách Pháp Hoa Văn Cú nói), bộ sách này do Trí Giả đại sư trước tác. Ngài giải thích: “*Phương giả, pháp dã*” [có nghĩa là] Phương là phương pháp, “*Tiện giả, dụng dã*” (Tiện là sử dụng). [Phương Tiện] là sử dụng rất thuận tiện, trôi chảy, chẳng bị chướng ngại. “*Thiền ngôn chi, Phương thị phương pháp, Tiện thị tiện lợi. Án Phật giáo nghĩa, tắc như Đại Tập kinh vân*” (Nói nông cạn, Phương là phương pháp, Tiện là tiện lợi. Xét theo ý nghĩa của lời Phật dạy thì như trong kinh Đại Tập đã nói), đây là như trong kinh, đức Phật đã nói: “*Năng điều chúng sanh, tất linh thú hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị danh Phương Tiện*” (có thể điều phục chúng sanh, khiến cho họ đều hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì gọi là Phương Tiện). Ý nghĩa này sâu xa! Quý vị có thể “*điều*” chúng sanh, “*điều*” (調) là điều giáo (調教: điều phục, giáo hóa). Người Trung Quốc thường điều phục (uốn nắn vào khuôn khổ) rồi mới dạy bảo. “*Điều giáo*” chúng sanh cần phải có trí huệ, phải có phương pháp. Chúng sanh rất dễ dàng tiếp nhận, mà cũng có thể hiểu rất rõ ràng, vui vẻ y giáo phụng hành, họ sẽ thành công. Ở đây, đức Phật đã nói cho chúng ta biết mục tiêu này, có thể nói đó là tông chỉ giáo học của Phật pháp. Nếu người khác hỏi chúng ta, Phật giáo nhằm dạy điều gì? Tông chỉ của ngàn kinh muôn luận giống nhau, bất luận là Hiền Giáo, Mật Giáo, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Tông Môn, Giáo Hạ, chư vị phải biết đều là một mục tiêu này, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Từ ngữ này là tiếng Phạn dịch âm, có thể dịch nghĩa sang tiếng Hán, vì sao chẳng dịch? Do tôn trọng nên không dịch. Nó chính là tổng phương hướng, tổng mục tiêu mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy con người. Điều này vô cùng trọng yếu, cho nên giữ nguyên [âm đọc] tiếng Phạn, vì tôn trọng chẳng dịch. Dịch sang nghĩa tiếng Hán hóa ra khá đơn giản, [chỉ gồm] sáu chữ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A dịch thành Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, Tam dịch thành Chánh, Miệu dịch thành Đẳng, chữ Tam kế tiếp cũng là Chánh,

Bồ Đề là Giác. Quý vị thấy gộp lại sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật pháp chính là điều này.

Trong ấy có ba chuyện, nói từ phần sau thì điều thứ nhất là Chánh Giác, tức Tam Bồ Đề (Sambodhi), người nào đạt được? A La Hán đạt được! Đạt được bằng cách nào? Đoạn Kiến Tư phiền não. Đã đoạn Kiến Tư phiền não bèn chứng Tam Bồ Đề tức Chánh Giác, được gọi là A La Hán. Lại nâng cao lên một bậc là Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là Tam Miệu Tam Bồ Đề (Samyak Sambodhi), Bồ Tát chứng đắc Chánh Đẳng, cao hơn A La Hán. Các Ngài chứng đắc bằng cách nào? Bồ Tát không chỉ đoạn Kiến Tư phiền não, mà Trần Sa cũng đã đoạn, Vô Minh cũng phá một phẩm, như vậy thì mới có thể chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng là bằng Phật, nhưng vẫn chưa đạt tới [địa vị] Phật, còn kém một cấp. Địa vị cao nhất là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (Anuttara Samyak Sambodhi), Phật chứng đắc [quả vị này]. Đây là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống. Toàn bộ Vô Thi Vô Minh, Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói đều đoạn sạch, trở về tự tánh, minh tâm kiến tánh, đó mới là “*liạ khổ, được vui*”. Quý vị thấy A La Hán chứng đắc Chánh Giác, thoát ly nổi khổ trong lục đạo, chẳng còn luân hồi trong lục đạo, Ngài đạt đến bốn thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác chính là Phật pháp giới trong bốn thánh pháp giới. Đối với sự khổ trong bốn thánh pháp giới thì [những nổi khổ] trong các pháp giới thấp hơn (lục phàm) đã không còn nữa, Thanh Văn và Duyên Giác đã liạ khỏi, Bồ Tát và Phật [trong bốn thánh pháp giới] vẫn còn Thọ, do vẫn còn có khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là Vô Thi Vô Minh, công phu còn phải nâng cao hơn một bậc, nâng cao tới mức chẳng khởi tâm, không động niệm, đó là thật sự an trụ. Chẳng khởi tâm, không động niệm, lúc ấy bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã thành Phật, vĩnh viễn thoát liạ nổi khổ trong mười pháp giới. Liạ khổ được vui có cấp bậc, có tầng lớp, thật sự đã liạ khổ! Mười pháp giới đều gọi là thế gian, thật sự xuất thế gian là phải vượt thoát mười pháp giới thì mới thật sự là xuất thế gian, vĩnh viễn thoát khỏi hết thảy các nổi khổ trong thế gian, liạ khổ được vui. Chẳng phải giống như chúng ta trong hiện tại, không có cái gì để ăn, được cho một chút thức ăn bèn [cảm thấy] liạ khổ được vui; chẳng có cái mặc, được cho một ít quần áo để mặc [bèn cảm thấy là liạ khổ, được vui], không phải vậy, chuyện như vậy quá nhỏ nhặt! Những chuyện ấy đức Phật giao cho chúng ta để chúng ta tự mình lo liệu, còn những chuyện khổ vui to lớn thì Phật, Bồ Tát đến giúp chúng ta lo toan, những việc nhỏ nhặt sẽ do chính ta lo liệu.

Trong thế gian này, trong các phần trước, chúng tôi đã nói rất nhiều, cầu của cải được của cải, cầu thông minh, trí huệ, được thông minh, trí huệ, cầu trường thọ được trường thọ, chẳng có gì quý vị không cầu được! Chỉ cần quý vị nương theo đạo lý và phương pháp do đức Phật đã dạy để cầu, hữu cầu tất ứng! Nhưng có lúc chúng ta cầu mà chẳng ứng là do nguyên nhân nào? Tôi học những pháp này từ Chương Gia đại sư lúc hai mươi mấy tuổi, lão nhân gia rất từ bi, thường dạy bảo tôi. Thầy nói: “Khi anh

cầu mà chẳng có cảm ứng thì chẳng phải là không có cảm ứng, mà là do bản thân anh có nghiệp chướng khiến cho sự cảm ứng ấy bị chướng ngại. Nếu sám trừ nghiệp chướng, cảm ứng sẽ hiện tiền, chẳng phải là không có cảm ứng!” Tôi hướng về thầy thỉnh giáo: “Diệt trừ nghiệp chướng bằng cách nào?” Ngài bảo tôi sám hối. Nói đến sám hối, đại sư dạy tôi: “*Phật pháp trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức*”, dạy tôi pháp môn ấy. Sám hối trên mặt hình thức chẳng quan trọng, phải là từ thực chất. Thực chất là gì? Thực chất là sau đây không làm nữa! Ta biết chính mình đã làm sai, ta cũng hiểu như người Trung Quốc đã nói “*bất nhị quá*” (không phạm lỗi ấy lần nữa), đó là chân sám hối, chẳng chú trọng hình thức. Trong các học trò của Khổng phu tử, chỉ có một người “*bất nhị quá*” thường được phu tử tán thán là Nhan Hồi. Có thể thấy là những người khác đều làm không được, đều vẫn thường phạm làm lỗi. Chỉ có một mình Nhan Hồi rất lỗi lạc, Ngài đạt được “*bất nhị quá*”. Do đó, thầy dạy tôi: Sám trừ nghiệp chướng thì sau ấy hẳn có cầu nhất định có ứng. Vì vậy, chúng ta hiểu rõ: Nếu chúng ta cầu tài, cầu trí huệ, luôn vì tự tư tự lợi mà cầu, sợ rằng đều chẳng có cảm ứng. Nếu chúng ta cầu tài, cầu trí huệ nhằm phục vụ chúng sanh, giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn trong xã hội thì sẽ có cảm ứng. Quý vị thấy: Chẳng vì chính mình thì mới được, vì sao? Chúng ta có thể nghĩ thông suốt lý ấy, [lý ấy] chẳng phải là rất sâu. Nếu là vì tự tư tự lợi bèn cầu Phật, Bồ Tát mà có cảm ứng, chẳng phải là Phật, Bồ Tát cổ vũ, khích lệ chúng ta tự tư tự lợi ư? Chẳng phải là dạy chúng ta làm sai, làm ác ư? Há có Phật, Bồ Tát như vậy? Yêu ma, quỷ quái mới làm chuyện ấy, Phật, Bồ Tát chẳng làm chuyện đó! Chắc chắn là tâm hạnh của chúng ta phải rất gần gũi chư Phật, Bồ Tát, đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh với chư Phật, Bồ Tát thì chắc chắn có cảm ứng, chẳng hề không có cảm ứng. Do vậy, câu kinh Đại Tập này có ý nghĩa rất sâu, đã chỉ ra tổng phương hướng và tổng mục tiêu trong sự tu học Phật pháp.

“*Hựu như Pháp Hoa Huyền Tán vân: Thi vi khả tác viết Phương, thiện đậu cơ nghi viết Tiện*” (Lại như sách Pháp Hoa Huyền Tán giảng: “Việc làm có thể nêu gương là Phương, khéo phù hợp cơ nghi là Tiện”). Ở đây, ý nghĩa [chữ Phương Tiện] được giảng rất sâu. “*Thi vi*”: Thi (施) là bố thí, giúp đỡ người khác. “*Khả tác*”(可則: có thể nêu gương, tạo thành khuôn phép): Tiêu chuẩn trong câu này cao lắm! Việc làm của chúng ta có thể nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội thì gọi là Phương. Ý nghĩa này giống như tại trường đại học sư phạm Bắc Kinh, hình như là phía trước đại lễ đường có treo tấm biển ghi tám chữ: “*Học vi nhân sư, thân vi thế phạm*” (học làm thầy người, thân làm gương mẫu cho cõi đời). Tám chữ ấy chính là “*thi vi khả tác*”. Hôm tôi đến thăm trường ấy, có ông Phó Hiệu Trưởng bồi tiếp, tôi thấy tám chữ ấy, bèn thưa với ông Hiệu Trưởng: “Thưa hiệu trưởng! Tám chữ ấy chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trong Phật giáo”. Ông ta nghe nói, sững sờ: “Kinh Hoa Nghiêm nói như vậy à?” “Đúng vậy! Cả bộ kinh Hoa Nghiêm nhằm giảng tám chữ này!” Tôi sửa một chữ, đổi chữ Thân trong câu “*thân vi thế phạm*” thành Hành, Hành có ý nghĩa rộng hơn Thân. Nhà trường cũng chấp nhận, sau đây họ sửa lại chữ ấy. “*Hành vi thế phạm*”

chính là ý nghĩa của chữ Phương. “*Thiện đâu cơ nghi*” (khéo hợp cơ nghi): Thiện xảo phương tiện có thể khiến cho người tiếp nhận đều sanh tâm hoan hỷ. Đó là “*thiện đâu cơ nghi*”, đó là Tiệm. Có thể thấy ý nghĩa được giải thích theo kiểu này còn sâu hơn ý nghĩa trong Pháp Hoa Văn Cú, [nhưng cả hai sách] đều nói đúng, chẳng hề nói sai!

“*Hựu Tịnh Ảnh Sớ vân*” (lại nữa, Tịnh Ảnh Sớ giảng), Tịnh Ảnh Sớ là chú giải kinh Vô Lượng Thọ [của ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn]. Sách ấy giảng: “*Hóa hành thiện xảo, tùy vật sở nghi, chủng chủng dị hiện, danh quyền phương tiện*” (hành vi giáo hóa khéo léo, thuận theo căn cơ của chúng sanh mà hóa hiện thích hợp, các thứ biến hiện lạ lùng thì gọi là Quyền Phương Tiệm). Đây là giáo hóa chúng sanh vô cùng hay khéo, vô cùng xảo diệu, chẳng có một pháp nhất định nào. “*Tùy vật sở nghi*”: Do [căn tánh của] mỗi người [mà áp dụng phương pháp] khác biệt, do mỗi sự mà khác biệt. Như trong quá khứ, trưởng lão Tế Công trong Phật môn là người đời Tống, sống cùng thời đại với Nhạc Phi, thật sự có vị ấy, mà cũng thật sự có chuyện ấy, nhưng [những điều] được viết trong tiểu thuyết chẳng đáng tin. Trong Cao Tăng Truyện có [ghi chép truyện của Ngài], tôi nhớ truyện ký về Ngài đặc biệt phong phú, hình như có tới sáu quyển. Truyện ký của người khác chỉ có một trang, hai trang, còn [truyện ký của] Ngài tới sáu quyển. Trong Đại Tạng Kinh có sách ấy. Đó là “*chủng chủng dị hiện*” (các thứ hóa hiện lạ lùng), tác dụng to lớn, chẳng có ngăn mé. Người tầm thường chẳng thể làm được những chuyện ấy, thật sự có thần thông, những chuyện như vậy rất nhiều. Nhất là trong thời cận đại cũng phát hiện một trường hợp như vậy. Trong thời kỳ Kháng Chiến, vị được gọi là Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn) chính là một vị xuất gia tại chùa Kim Sơn ở Nam Kinh. Sư có pháp hiệu là Diệu Thiện, nhưng rất nhiều người trong thế gian chẳng biết pháp danh của Ngài, đều gọi Ngài là Hoạt Phật, gọi Ngài là Kim Sơn Hoạt Phật. Hành trạng trong một đời của vị pháp sư ấy chẳng khác Tế Công đời Tống cho mấy, cũng là đi một đôi dép cỏ¹ rách nát, mặc một cái áo dài, nói chung bên trong là một cái quần đùi, cả năm bốn mùa đều là dáng vẻ như thế. Trước nay chưa hề giặt quần áo, y phục rách nát, rất bẩn thỉu nhưng Ngài trọn chẳng bận tâm. Suốt đời chẳng tắm gội, cổ áo đóng hờm đen xì, nhưng quý vị người thấy có hương sen thơm ngát. Lại còn có thể chữa bệnh! Thân thể quý vị có chỗ nào chẳng thoải mái, quý vị người mùi ấy sẽ hết bệnh! Hết sức lạ lùng! Lão nhân gia viên tịch tại Miến Điện, Ngài sang Miến Điện giáo hóa chúng sanh, qua đời bên đó. Tín đồ nơi ấy vô cùng cung kính Ngài, nhất

1 Dép cỏ (thảo hài) là một loại sandal bện bằng cỏ, lác, rom v.v..., thường dùng nhất là cỏ tranh, hoặc rạ, có nhiều hình thức, thông thường là bện thành hình giống như sandal có quai chéo, có khi bện thành hình một chiếc giày có thể xỏ chân vào. Loại thảo hài này cũng được các dân tộc chung quanh bắt chước sử dụng như loại waraji của Nhật thường bện bằng rạ, hoặc thân cây bắp. Người Đại Hàn dùng cỏ bện thành giày, lót thêm vải và giấy cứng làm đế để có thể sử dụng lâu hơn.

định bắt Ngài đi tắm rửa, bắt Ngài gột rửa trong khi mưa dầm, Ngài vãng sanh trong khi đang tắm, đứng ở dưới nước vãng sanh, người thật, chuyện thật!

Tại Đài Loan có hai người viết truyện ký về Ngài: Cuốn Sự Tích Kim Sơn Hoạt Phật do pháp sư Chử Vân viết, còn cuốn kia do pháp sư Lạc Quan viết. Pháp sư Lạc Quan từng ở chung với Ngài suốt bốn tháng. Cụ Lạc Quan có cùng bối phận (vai vế) với chúng tôi, Sư từng bảo tôi: “Vị ấy (Kim Sơn Hoạt Phật) thật sự có thần thông. Trong tâm chúng tôi nghĩ gì Ngài đều biết, trong lúc nói giỡn Ngài nói ra hết. Chúng tôi khởi tâm động niệm bất cứ điều gì, đều chẳng có cách nào giấu Ngài, Ngài đều biết cả. Ngài có Tha Tâm Thông. Tôi thiếu là Ngài có Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, và Tha Tâm Thông. Tôi thiếu là Ngài có những năng lực ấy!” Có Thần Túc Thông hay không? Chẳng có chứng cứ rõ rệt, nhưng dường như là có. Mọi người đang tụ tập chuyện gẫu, nhắc tới Kim Sơn Hoạt Phật, chưa nói xong, Ngài đã bước vào! Thường có hiện tượng ấy, làm thế nào lại xảo hợp như thế được? Đó là “*chứng chứng dị hiện*”, là Quyền Phương Tiện. Nói chung, cảnh giới ấy phải từ A La Hán trở lên thì mới được. A La Hán có tứ quả, từ Sơ Quả đã có [thần thông], Sơ Quả là Tu Đà Hoàn. Tu Đà Hoàn đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, khôi phục hai thứ trong sáu thứ bản năng (năng lực vốn sẵn có), tức là Thiên Nhãn và Thiên Nhĩ. Người bình thường chúng ta chẳng thấy nhưng Ngài thấy, người bình thường chúng ta nghe không thấu, nhưng Ngài nghe thấu, Ngài có năng lực ấy. Chúng ta giảng kinh trên tầng lầu này, Ngài nhìn thấy những tầng dưới, Ngài biết rõ hoạt động của người trong mỗi tầng, có thể trông thấy chẳng bị chướng ngại! Nếu chúng Nhị Quả sẽ có năng lực càng lớn hơn nữa. Nhị Quả có Tha Tâm Thông, có Túc Mạng Thông, trong tâm người khác nghĩ gì, vị ấy đều biết. Đến Tam Quả bèn có Thần Túc Thông, có thể biến hóa, phân thân, các bậc thánh giả Tiểu Thừa có thể thị hiện. Trong Đại Thừa, như kinh Hoa Nghiêm của Viên Giác đã nói, Sơ Tín vị Bồ Tát có năng lực Lục Thông hoàn toàn giống như Tu Đà Hoàn. Đệ Thất Tín Bồ Tát đoạn phiền não, nay chúng ta nói theo cấp bậc thì Ngài tương đương A La Hán, tức A La Hán trong Tiểu Thừa. Bát Tín tương đương Bích Chi Phật. Cửu Tín là Bồ Tát, tức địa vị Bồ Tát trong mười pháp giới. Thập Tín là địa vị Phật trong mười pháp giới. Tùy theo địa vị, thần thông biến hóa cũng [sai khác] rất lớn. Lũ phàm nhân chúng ta chẳng thể làm được những điều ấy, nhưng các Ngài có thể làm được!

“*Tổng thượng kinh luận*” [nghĩa là] chúng ta tổng hợp những điều kinh luận vừa giảng trên đây, “*có tri dĩ thiện xảo ốn tiện chi pháp*”, [nghĩa là] dùng những phương pháp khéo léo, ốn thỏa, thích đáng, thuận tiện, “*diệu khế chúng sanh căn cơ*” (khéo léo khế hợp căn cơ của chúng sanh), “*diệu*” có nghĩa là thiện. Vị ấy sử dụng phương pháp rất xảo diệu, hết sức tốt đẹp, khiến cho chúng sanh sau khi tiếp xúc đều sanh tâm hoan hỷ, giác ngộ, có thể phá mê giác ngộ, sanh tâm hoan hỷ. “*Đạo hướng cứu cánh chi quả giác*” (dẫn dắt hướng đến quả giác rốt ráo), quả giác rốt ráo chính là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề như đã nói trong phần trước, đó là quả giác rốt ráo. Vì vậy, từ chỗ này, chúng ta hiểu rõ Phật pháp là gì? Ngàn kinh muôn luận, vô lượng pháp môn, quyết

định đều nhằm một mục tiêu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là Phật pháp. Nếu mục tiêu là Chánh Giác, đó là Tiểu Thừa A La Hán; nếu mục tiêu là Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là Bồ Tát, là Đại Thừa. Nếu mục tiêu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là pháp Nhất Thừa, là Phật quả rốt ráo viên mãn. Chúng ta phải hiểu rõ, minh bạch chuyện này, kinh Vô Lượng Thọ đi theo đường hướng nào? Nói thẳng thừng là dạy chúng ta thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong hết thảy các kinh, nó thuộc loại kinh Nhất Thừa. Kinh Nhất Thừa chẳng có mấy bộ! Tại Trung Quốc, trừ bộ kinh này ra, Hoa Nghiêm là Nhất Thừa, Pháp Hoa là Nhất Thừa. Phạm Võng tuy là Nhất Thừa, nhưng chẳng được dịch hoàn toàn sang tiếng Hán, truyền đến Trung Quốc chỉ có Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, chỉ có một phẩm. Do mục tiêu của kinh này là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên trong pháp môn này, ở đây, đức Phật dạy chúng ta niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, “*danh vi hành quyền hoặc hành phương tiện*” (gọi là “hành quyền” hoặc “hành phương tiện”), tổng kết ý nghĩa ấy, giải thích viên mãn từ ngữ “*hành quyền phương tiện*”. Tiếp đó là “*nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn. Nhập giả, Gia Tường Sớ thích vi: Giải khế tông nguyên*” (“Nhập Phật pháp tạng, rốt ráo đạt đến bờ kia”. Gia Tường Sớ giải thích “nhập” là “thông hiểu, khế nhập tông nguyên”). “*Tông nguyên*” là gì? Tông (宗) là chủ yếu, trọng yếu, Nguyên (源) là căn nguyên (cội nguồn). Chúng ta hiểu Tông Nguyên là tự tánh, hết thảy các pháp chẳng lìa tự tánh. Trong tự tánh, đức Thế Tôn đã quy nạp vô lượng vô tận công đức thành ba loại lớn, thứ nhất là trí huệ, thứ hai là đức năng, thứ ba là tướng hảo. Trí huệ là thông đạt, hiểu rõ. Hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian đúng là không gì chẳng biết. Đức năng là thần thông, thiện xảo phương tiện, không gì chẳng thể. Trong tướng hảo có vật chất và tinh thần, tướng hảo viên mãn. Trong cõi Thật Báo, đức Thế Tôn đã giới thiệu với chúng ta: “*Thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”. Không giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế giới này, thị hiện thân tướng giống như chúng ta, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, kinh thường gọi thân ấy là Liệt Ứng Thân (thân ứng hiện kém cõi). Thị hiện trong lục đạo nhất định phải thị hiện thân giống như chúng sanh. Nếu thị hiện sai biệt quá lớn, kẻ bình phàm chẳng dám tin tưởng. Phải thị hiện thân tốt đẹp hơn một chút thì mọi người mới có thể tin tưởng. Trên cõi trời, đức Phật thị hiện thân trời, trong nhân gian, Ngài thị hiện thân người, trong đường súc sanh, Ngài thị hiện thân súc sanh. Nếu muốn độ chúng sanh trong một loài nào, đầu tiên là phải hiện thân giống như họ. Nếu muốn độ kiến, Ngài cũng hiện thân kiến. Quý vị chẳng hiện thân ấy thì làm sao có thể ở cùng chỗ với họ? Ở cùng một chỗ với họ thì mới có cách dạy họ; do vậy, thị hiện thân đồng loại.

“*Giải khế tông nguyên*” là nói đến Nhập trong “*nhập Phật pháp tạng*”, chúng ta đã hiểu rõ, lý giải [Nhập] là tương ứng với Tánh Đức. Nói cách khác, tương ứng với trí huệ chân thật, chẳng phải là tương ứng với kiến thức và học thuật thông thường. Con người hiện thời nói đến học thuật và tri thức, chẳng nói tới trí huệ. Nói tới tri thức thì tương ứng với tri thức sẽ chẳng được, đó là pháp thế gian, chẳng phải là pháp xuất thế

gian. Vì sao phải nói theo cách như vậy? Bốn chữ ấy (giải khế tông nguyên) có ý nghĩa rất sâu, quả thật là trong thời cận đại, có lắm kẻ đã coi kinh điển nhà Phật như một thứ học thuật để nghiên cứu, nên bị biến chất, biến thành tri thức, [trở thành] kiến thức Phật giáo. Ở những chỗ nào? Trong đại học! Rất nhiều trường đại học dùng kinh điển để giảng dạy. Tại những trường nổi tiếng nhất Âu Châu như đại học Ngu Tân (Oxford), đại học Kiêm Kiêu (Cambridge), đại học Luân Đôn (London) đều có khoa Hán Học. Sinh viên đại học, sinh viên chương trình Cao Học, sinh viên theo học chương trình Tiến Sĩ của ngành Hán Học dùng kinh Phật để viết luận án. Họ có tương ứng hay không? Họ tương ứng, nhưng chẳng phải là “*giải khế tông nguyên*”! Chẳng phải vậy! Bởi lẽ, những gì họ học được đều là kiến thức về Phật giáo, chẳng phải là trí huệ trong Phật pháp. Khi tôi đến viếng thăm, cũng có giảng cho họ hai buổi, nhắc nhở họ học Phật, phải học theo đường lối của tổ sư đại đức thì mới thật sự được thọ dụng. Đi theo con đường học thuật cũng hữu dụng, giống như có thể đạt được học vị Tiến Sĩ, tương lai làm giáo sư khoa Triết Học hoặc Phật Học, hoặc làm một nhà Hán Học, có thể đạt được điều ấy, nhưng mong chúng quả Tu Đà Hoàn sẽ chẳng có phần, mong được vãng sanh, cũng chẳng có phần, [bởi lẽ], Phật giáo theo kiểu đó là học thuật. Phật giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục Phật giáo, phải hiểu điều này, nó chẳng phải là học thuật. Thời đầu Dân Quốc, Âu Dương đại sư đã nói rất hay, Phật pháp không phải là triết học hay tôn giáo, mà là nhu cầu tất yếu của con người hiện thời. Vì sao? Nó thật sự có thể giải quyết vấn đề, giúp chúng ta hóa giải xung đột, khôi phục sự an định, hòa bình cho xã hội. Phật pháp làm được những điều ấy, giúp chúng ta thoát ly lục đạo luân hồi, giúp chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, trong một đời chúng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rốt ráo viên mãn, nó có thể thực hiện được những điều ấy. “*Giải khế tông nguyên*” vô cùng quan trọng.

“*Tịnh Ảnh Sớ vân: Chứng hội vi Nhập. Khả kiến nhập giả, vi khế hội chứng nhập chi nghĩa*” (Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Chứng nhập, khế hội là Nhập”. Có thể thấy Nhập có nghĩa là khế hội, chứng nhập”). Chữ “*Hội*” (會) có ý nghĩa rất sâu. Quý vị đọc Ngữ Lục của Thiên Tông, thấy thầy dạy trò, thường nói một câu Khẩu Đầu Thiên nhiều nhất. Thầy hỏi trò: “*Nhĩ hội ma?*” (Ngươi hiểu chưa?). Câu này có ý nghĩa sâu xa, Hội là gì? Khế nhập là Hội, quý vị chẳng khế nhập sẽ không hiểu! Khế nhập là “*giải khế tông nguyên*” như đã nói trong đoạn trước, quý vị thật sự thấu hiểu. Chẳng phải là [hiểu] theo mặt văn tự, mà là do văn tự, do ngôn thuyết, quý vị đang xem kinh hay đang nghe giáo bèn khế nhập tự tánh, chúng ta thường nói là “khai ngộ”. Xem kinh bèn khai ngộ, nghe giảng bèn khai ngộ, đó là Nhập. Chẳng có ngộ, chẳng thể coi là Nhập! Thật sự ngộ nhập thì mới là Nhập. Do vậy, Nhập có nghĩa là “khế hội, chứng nhập”. “*Diệc tức Pháp Hoa trung nhập Phật tri kiến trung chi Nhập tự dã*” (cũng chính là chữ Nhập trong “nhập Phật tri kiến” của kinh Pháp Hoa). “*Nhập*” là chứng, là khế nhập. Phật tri kiến là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, trong Thiên Tông nói “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh” là nói đến điều này, nói tới chuyện này. Trong Giáo Hạ nói “đại khai

viên giải” cũng nhằm nói về chuyện này. Người niệm Phật chúng ta gọi điều này là “Lý nhất tâm bất loạn”, nhất tâm bất loạn bao gồm Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là nhập Phật tri kiến, có cùng cảnh giới với minh tâm kiến tánh trong Thiên Tông, đồng dạng với “đại khai viên giải” trong Giáo Hạ, tầng bậc như nhau. Sự nhất tâm thuộc về giải ngộ, chưa phải là chứng; do vậy, Sự nhất tâm bất loạn sanh về thế giới Cực Lạc sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, giống như bốn thánh pháp giới trong thế giới này. Nếu là Lý nhất tâm sẽ sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác hẳn, đã thành Phật rồi. Do vậy, Sự nhất tâm vẫn là Bồ Tát, chưa thuộc về địa vị Phật. Sự nhất tâm cũng có ba bậc, chín phẩm, trung hạ phẩm là địa vị A La Hán trong Tiểu Thừa, trung thượng phẩm là Bồ Tát. Nhìn theo giáo lý, Tây Phương Cực Lạc thế giới gồm bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, nhưng trên thực tế, chúng ta phải liễu giải: Hoàn cảnh tu học trong thế giới ấy vô cùng đặc biệt, thù thắng, kẻ bình phàm chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng. Đó là gì? Hoàn toàn đắc lực cậy vào bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì; do vậy, họ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây cũng là lý do vì sao nói Tịnh Tông là pháp khó tin, nguyên nhân ở chỗ này, đúng là pháp khó tin!

“*Nhập Phật pháp tạng*”, tiếp theo đó, [cụ Hoàng] giải thích [từ ngữ] “*Phật pháp tạng*”. “*Phật pháp tạng giả, Gia Tường Sớ vân: Danh lý vi Tạng*” (“Phật pháp tạng”: Gia Tường Sớ giảng: “Lý được gọi là Tạng”). Trước hết, giải thích ý nghĩa chữ Tạng. “*Cái vị Phật pháp tạng vi Pháp Tánh chi Lý Thể. Pháp Tánh hàm tàng vô lượng chi Tánh Đức, cố danh Phật pháp tạng*” (ý nói Phật pháp tạng là Lý Thể của Pháp Tánh. Pháp Tánh chứa đựng vô lượng Tánh Đức, nên gọi là Phật pháp tạng). Trên thực tế, “*nhập Phật pháp tạng*” là minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là nhập Phật pháp tạng. Chúng ta niệm Phật, tới ngày nào đó niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn chính là nhập Phật pháp tạng, minh tâm kiến tánh. Do vậy, đây cũng là một cách giải thích rất hay, rất rõ ràng, “*danh Lý vi Tạng*” (gọi Lý là Tạng), Tạng (藏) có nghĩa là hàm chứa. Phật pháp tạng là Pháp Tánh Lý Thể, dùng chữ Tạng [để diễn tả] ý nghĩa “chứa đựng”, giống như một kho tài liệu, dùng ngay chuyện này để tỷ dụ. Pháp Tánh là thật, thật sự chứa đựng vô lượng Tánh Đức, đúng là vô lượng. Tự tánh của mỗi cá nhân đều tương đồng, trong Triết Học gọi nó là bản thể của vạn hữu trong vũ trụ. Nó có thể sanh, có thể hiện. A Lại Da có thể biến, A Lại Da cũng chẳng lìa khỏi Phật pháp tạng. Tách rời Phật pháp tạng bèn chẳng có A Lại Da. Phật pháp tạng giống như nước, A Lại Da giống như sóng, lìa nước lấy đâu ra sóng? Bởi lẽ, bản thể của sóng là nước, vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới có cùng một bản thể. Do vậy, đối với kinh Phật, tổ sư đại đức thường dạy chúng ta, trọn khắp pháp giới hư không giới và chúng ta có cùng một Thể. Quý vị thấy chúng ta thường nghe kinh nói: “*Sanh Phật bất nhị*” (chúng sanh và Phật chẳng hai). “*Sanh*” là chúng sanh, “*Phật*” là chư Phật Như Lai, đặt chúng sanh lên đầu, nói đến Phật ở sau; đó là gì? Phật tôn trọng chúng sanh, tôn kính chúng sanh. Vì sao? Chúng sanh là Phật chưa giác ngộ, Phật là chúng sanh đã giác ngộ. Vị Phật chưa giác ngộ là một vị Phật hồ đồ, chẳng biết tôn trọng người khác; còn chúng sanh đã giác

ngộ, đối với bất cứ điều gì cũng đều tôn trọng. Chúng sanh đã giác ngộ bèn là Phật. Lại còn nói: “*Tự tha bất nhị*”, Tự là chính mình, Tha là gì? Tha thì trên là chư Phật, dưới đến chúng sanh trong địa ngục, đều là một, chẳng hai! Lão Tử cũng nói kiểu ấy: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*” (trời đất và ta có cùng gốc, vạn vật và ta cùng một Thể), có ý nghĩa hoàn toàn giống như lời đức Phật đã nói.

Hiện thời, chúng tôi rất muốn nghe [lời nhận định của] các nhà Vật Lý Học Lượng Tử trong hiện đại, nghe họ [trình bày] những nghiên cứu, phát hiện của họ, để cho họ chứng minh những điều được nói trong Phật pháp là thật, chẳng phải là giả. Vì sao người phải yêu thương người? Cùng một Thể! Chúng ta có cùng một thân thể, vì sao ta phải yêu thương ngón tay này? Vì sao ta phải yêu thương sợi lông này? Nó và ta có cùng một Thể, đạo lý là như thế đó. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng có giới hạn, sai biệt ở chỗ nào? Mê hay ngộ, mê bèn gọi là pháp thế gian, giác ngộ bèn gọi là pháp xuất thế gian. Xuất thế gian gọi là Phật pháp, đã giác ngộ là Phật pháp, chưa giác ngộ gọi là chúng sanh pháp, chúng là một, chẳng hai! Do vậy, đúng là trong Pháp Tánh, Pháp Tánh là tự tánh, chứa đựng vô lượng Tánh Đức. Người giác ngộ muốn giúp chúng ta giác ngộ vô lượng Tánh Đức, giúp chúng ta giác ngộ lại chẳng phải là chuyện đơn giản, vì sao? Chưa chắc chúng ta đã tin tưởng họ, chẳng có tín tâm đối với họ, chẳng tôn trọng họ, cho nên chẳng dễ gì dạy được! Nhưng đối với khó khăn trước mắt, chỉ cần lấy ra đôi chút Tánh Đức bèn có thể giải quyết. Cội rễ của Tánh Đức là gì? Người Trung Quốc nói tới Hiếu. Ngũ Luân được bắt đầu bằng câu “*phụ tử hữu thân*” (cha con có tình thân thiết), đó là cội nguồn của Tánh Đức. Vô lượng vô biên Tánh Đức thấy đều lưu lộ từ cội nguồn ấy. Trong Phật pháp, [Hiếu] được gọi là từ bi, trong nhiều tôn giáo, nó được gọi là Ái. Ái và từ bi trong Phật pháp cũng như “*phụ tử hữu thân*” trong Ngũ Luân của Trung Quốc có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện nào, nó là tâm yêu thương vô điều kiện! Người Trung Quốc đã nêu bày Tánh Đức một cách đơn giản bằng mười hai chữ. Mười hai chữ ấy có thể giúp chúng ta sống rất hạnh phúc, rất sung sướng suốt một đời. Mười hai chữ ấy chính là “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân ái, hòa bình*”, Tánh Đức đấy! Có phải là mười hai chữ ấy vô lượng vô biên? Đúng vậy. Chúng ta suy nghĩ sẽ thấy mười điều trong Thập Thiện, mười đại nguyện vương cũng là mười điều. Khi Bồ Tát mở rộng ra, chúng sẽ biến thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Mười hai chữ ấy của Trung Quốc có phải là tám vạn bốn ngàn tế hạnh trong Bồ Tát đạo hay không? Tôi tin là chúng đã bao trùm chẳng sót, chúng chính là Tánh Đức.

Do vậy, ngày nay chúng ta vận dụng Tánh Đức đôi chút như thế nào, áp dụng đôi chút trong cuộc sống như thế nào? Chúng ta chưa kiến tánh, nhưng những người đã kiến tánh đều hiểu rõ, sẽ nêu bày tự tánh. Nếu chúng ta chịu tin tưởng, chịu y giáo phụng hành thì cũng sẽ sử dụng được, người chưa kiến tánh cũng sử dụng được, phải nghe theo giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát và các vị đại thánh đại hiền. Vì thế, chúng tôi thường nói: “Chúng tôi học tập nhiều năm như thế mới thấu hiểu, những thứ ấy chẳng

phải do họ phát minh, chẳng phải do họ sáng tạo, mà do tự tánh lưu lộ”. Trong thời cổ, chúng ta có lý do để tin tưởng Phật, Bồ Tát đã ứng hóa trên lãnh thổ Trung Quốc, nhưng con người thuở ấy chẳng có căn tánh nhạy bén như tại Ấn Độ, căn cơ độn hơn, nên các Ngài dùng những phương pháp ấy để chỉ dạy chúng ta, đó là Tánh Đức tự nhiên lưu lộ, chúng ta phải tôn trọng. Người Ấn Độ căn cơ chín muồi, nên [chư Phật] ứng hóa trong thế gian này, đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, liền hiện thân Phật để giáo hóa, Phật hiện thân Phật tại Ấn Độ. Tại Trung Quốc thì Phật hiện các thân như Khổng Tử, Mạnh Tử, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, hiện thân làm những vị ấy, làm các bậc thánh hiền. Đó là phương tiện thiện xảo, đại dụng chẳng có ngần mé! Chúng ta học theo thánh hiền, học theo Phật, Bồ Tát là học theo ai? Học theo Tánh Đức của chính mình, nhất định phải hiểu đạo lý này! Những vị từng trải ấy đã triển hiện Tánh Đức cho chúng ta thấy, những kinh luận, sách vở thầy đều từ Tánh Đức lưu lộ. Bởi thế, đại kinh đại luận nói: *“Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải”* (Phật pháp mà không có ai nói thì đâu là người có trí vẫn chẳng thể hiểu). Kẻ thông minh tuyệt đỉnh trong thế gian có thể thông hiểu ý nghĩa trong kinh Phật hay chẳng? Không thể hiểu! Do nguyên nhân nào? Kinh điển lưu lộ từ tự tánh. Ai có thể hiểu? Người càng gần với tự tánh sẽ càng có thể lý giải. Gần với tự tánh là như thế nào? Phải loại bỏ những thứ tương phản tự tánh và những điều hư vọng. Những gì là tương phản? Dùng cách nói của Trung Quốc để luận định thì bất hiếu, bất đễ, bất trung, bất tín, vô lễ, vô nghĩa, vô liêm, vô sỉ chính là những thứ tương phản, mọi người hiểu rất rõ những điều ấy. Chúng là gì vậy? Tập khí phiền não từ vô thi kiếp! Chúng ta có thể xa lìa, tẩy gột sạch sành sanh những tập khí ấy, Tánh Đức của chúng ta bèn hiện tiền. Lại còn không ngừng nâng cao hơn, chúng ta cũng có thể đạt tới cảnh giới thánh hiền, lại nâng cao hơn tới mức viên mãn, đó là cảnh giới Phật.

“Hựu Pháp Tánh trung hàm nhiếp nhất thiết Phật pháp, cố danh Phật pháp tạng” (lại nữa, trong Pháp Tánh chứa đựng, thâm nhiếp hết thảy Phật pháp, nên gọi là “Phật pháp tạng”). Nói theo Phật pháp thì đúng là như vậy, hết thảy Phật pháp đều sanh từ tự tánh, hễ rời khỏi tự tánh bèn chẳng có một pháp nào để được. *“Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”* như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói chính là “Phật pháp tạng” đang được nói ở đây. Xuất sanh vô tận, trọn khắp hết thảy, hết thảy các pháp, hết thảy Phật pháp đều do nó sanh ra. Hết thảy phiền não, nghiệp chướng, và tập khí cũng do nó sanh ra. Chuyện này là như thế nào? Hễ giác ngộ sẽ sanh ra hết thảy Phật pháp, đã mê bèn sanh ra hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xuất hiện những thứ ấy. Do vậy, đối với hết thảy những thứ phi pháp, phản diện ấy, chúng ta cũng chớ nên khi dễ chúng, vì sao? Thể của chúng là Thật, chỉ vì mê nên mới biến thành nông nổi ấy, nếu người ấy giác ngộ sẽ khôi phục bình thường. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát cung kính chúng sanh trong địa ngục, đối với muỗi, trùng, kiến chẳng dám coi rẻ, do nguyên nhân nào? Quý vị nhìn từ một phương diện khác, nếu họ giác ngộ sẽ đều là Phật, họ vốn là Phật, tuy đang mê, bần tánh chẳng mê, phải biết điều này! Bần tánh vĩnh viễn thanh tịnh, chẳng bị nhiễm

ô, bất sanh, bất diệt. Mê là giả, hễ mê bèn có sanh, có diệt. Mê bèn có như, có tịnh, có thiện, có ác. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch những chuyện ấy thì trong hết thủy thể gian, tức là hết thủy các thể gian trong mười pháp giới, sẽ sanh khởi tâm bình đẳng, đối với bất luận cảnh giới nào chúng ta đều thấy như nhau. Đó là Phật tri Phật kiến. Phật chẳng có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, chẳng khởi tâm động niệm; Bồ Tát có khởi tâm động niệm, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước. Sự học tập của chúng ta phải trải qua những tầng lớp này, nên gọi là Phật pháp tạng.

“Thị cố nhập Phật pháp tạng, tức Pháp Hoa trung thiện nhập Phật huệ, thông đạt đại trí” (do vậy, nhập Phật pháp tạng chính là “khéo nhập Phật huệ, thông đạt đại trí” trong kinh Pháp Hoa), có ý nghĩa này. Dùng phương tiện thiện xảo khéo nhập Phật huệ, “Phật huệ” là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. *“Thông đạt đại trí”*: Đại trí là khởi dụng, là Hậu Đắc Trí, là phương tiện thiện xảo. *“Hựu Chân Giải cú tụng quả hướng nhân nghĩa, thích vân”* (Lại nữa, sách Chân Giải dựa theo ý nghĩa từ quả hướng đến nhân, nên giải thích như sau), giải thích ý nghĩa ấy: *“Nhu Lai nhất thiết công đức bảo tạng, Phật quả công đức dã. Thử chi công đức đại bảo hải, thuyết ngôn Phật pháp tạng”* (kho báu hết thủy công đức của Như Lai chính là công đức nơi Phật quả. Biển cả các thứ vật báu công đức ấy được gọi là Phật pháp tạng). *“Tức thị Phật sở đắc Nhất Thừa dã”* (chính là Nhất Thừa do Phật đã đắc). Chư Phật Như Lai chứng đắc Nhất Thừa, Nhất Thừa là Phật Thừa, chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn. Do vậy, trong hết thủy các kinh, có kinh Tiểu Thừa, có kinh Đại Thừa, có kinh Nhất Thừa. Kinh Nhất Thừa có mấy bộ? Hoa Nghiêm là kinh Nhất Thừa, Pháp Hoa là kinh Nhất Thừa, Vô Lượng Thọ là kinh Nhất Thừa. Kho báu hết thủy công đức của Như Lai được nói trong kinh Nhất Thừa chính là Phật quả rốt ráo do Bồ Tát tu hành chứng đắc, trong ấy có trọn đủ các công đức, đó là *“công đức đại bảo hải”*. Hải (biển) là tỷ dụ. Công đức đại bảo hải lấy không cạn, dùng chẳng hết. Vì vậy, nói đến phước báo thì ai có phước báo lớn nhất? Phước báo thế gian hay xuất thế gian không ai có thể sánh bằng Phật, trí huệ lẫn phước báo [của Phật] đều đạt đến viên mãn rốt ráo, nhưng phải hiểu, Phật là tự tánh của chúng ta. Nếu chúng ta minh tâm kiến tánh, bèn thành Phật, trí huệ và phước báo của chúng ta không ai có thể sánh bằng. Đó là Phật pháp tạng, đó là pháp Nhất Thừa do Phật sở đắc, là trí huệ viên mãn trong pháp Nhất Thừa. Vì lẽ đó, Phật pháp tạng chính là *“trí huệ và đức tướng vốn sẵn trọn đủ trong bốn tánh”* như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. Ngài nói rất hay: *“Hết thủy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc”*. Chúng ta có thể buông vọng tưởng và chấp trước xuống sẽ chứng đắc. Quý vị thấy phàm phu thành Phật, nói theo lý luận là trong một sát-na, quý vị chịu buông xuống thì kinh giáo hoàn toàn thuộc về quý vị. Chỉ cần quý vị buông xuống, chẳng cần phải đọc nó, [bởi lẽ] chính mình đã hoàn toàn trọn đủ, hết thủy các pháp thế gian hay xuất thế gian không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, hiểu chân tướng sự thật này, cho nên mới thật sự làm! Biết lợi ích này quá to lớn, không làm

như vậy, chúng ta bị tổn thất quá to, sống cuộc đời khổ sở, nhọc nhằn dường ấy. Thành Phật đặc đại tự tại, vui sướng lắm. Quý vị phải biết [lão cư sĩ] Hứa Triết còn chẳng sánh bằng, không ai có thể sánh bằng. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.